

Bản án số: 22/2019/HS-ST
Ngày 30-9-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hương.

Thẩm phán: Ông Hồ Thanh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

Bà Dương Thị Sáng.

Ông Nguyễn Lê Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Đan Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Ông Trần Công Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 19/2019/TLST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lưu Văn T**, sinh ngày 29/6/1990 tại huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn T, sinh năm 1964 và bà Trần Thị L, sinh năm 1969; vợ con: Chưa có; Tiền sự: Không.

Tiền án:

+ Bản án số 13/2016/HSST ngày 30/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Lưu Văn T 03 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (Chấp hành xong án phạt tù ngày 17/03/2018).

- Nhân thân:

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 12/QĐ-XPVPHC ngày 22/12/2014 Công an thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc phạt 1.500.000đ về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy.

+ Bản án số 41/2019/HSST ngày 19/6/2019 Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Lưu Văn T 05 năm 06 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/12/2018, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. (Có mặt).

* *Người bào chữa cho bị cáo (do chỉ định):* Ông Ma Ngọc K, Luật sư - Văn phòng luật sư N thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tuyên Quang *(Có mặt)*.

* *Người đại diện hợp pháp của người bị hại Nguyễn Quảng T (đã chết):* Ông Nguyễn Văn Hoàng T, sinh năm 1972.

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

* *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1954. Nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

2. Chị Dương Thị P, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

3. Chị Lương Thị T, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt.*

4. Bà Trần Thị L, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. *Có mặt.*

* *Những người làm chứng:*

1. Anh Đinh Văn G, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Tổ dân phố K, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt.*

2. Anh Nguyễn Đức B, sinh năm 1983.

3. Chị Lưu Thị T, sinh năm 1994.

4. Anh Nguyễn Đức D sinh năm 1981.

Cùng nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. *Đều có mặt.*

5. Anh Lương Đình S, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Tổ dân phố K, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08/12/2018, Lưu Văn T, trú tại thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc đến nhà vợ chồng em gái của T là chị Lưu Thị T, anh Nguyễn Đức D, trú tại thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang chơi (vợ chồng chị T ở chung với bố, mẹ chồng là ông Nguyễn Đức B, bà Lương Thị M) và ăn, nghỉ tại gia đình của ông B.

Khoảng 14 giờ ngày 14/12/2018 anh Nguyễn Quảng T, trú tại tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S đến nhà ông Nguyễn Đức B để chuẩn bị cho việc bốc mộ chị gái của ông B. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, T, anh T ăn cơm tại nhà ông B, trong bữa cơm có anh Nguyễn Đức B, anh Nguyễn Đức D (là con trai ông B), chị Lưu Thị T và Lưu Văn T. Sau khi ăn cơm xong, khoảng 20 giờ T và anh B đi ra thị trấn S uống nước và chơi Hội chợ thương mại; anh D và anh T đi đến nhà anh C ở thôn H, xã T để bàn việc bốc mộ. Đến khoảng 22 giờ anh T và anh D về nhà ông B, anh T được ông B sắp xếp ngủ cùng với T tại căn nhà xây cấp 4 gần khu vực sản xuất vôi, nơi gia đình ông B sử dụng làm phòng giao dịch mua bán vôi, cách

nhà ông B khoảng 50m. Sau khi anh T về ngủ, khoảng 15 phút sau anh B và T đi chơi về, anh B đưa T về nhà ông B để ngủ rồi anh B đi về nhà mình. Khi về nhà ông B, T ngồi chơi một lúc rồi đi ngủ cùng giường với anh T.

Khoảng 04 giờ 30 phút ngày 15/12/2018, T tỉnh giấc và sử dụng điện thoại nghe nhạc, khoảng 10 phút sau anh T tỉnh dậy nói với T “*Mày cho bé nhạc thôi để tao ngủ*”, T giảm âm lượng và tiếp tục nằm nghe nhạc khoảng 10 phút thì tắt và nằm ở giường. Lúc này anh T nằm quay lưng lại và đẩy T ra sát thành giường, T đẩy anh T dịch lại, anh T tiếp tục đẩy T ra và dùng chân đạp vào lưng T. Do bức tức, T ngồi dậy, anh T đang nằm nghiêng, T dùng tay nắm 02 đến 03 phút vào mặt T thì anh T vùng ngồi dậy dùng chân đạp T ngã ra khỏi giường xuống nền nhà xi măng. T đứng dậy mở cửa chạy ra bãi khai thác đá để sản xuất vôi cách khoảng 26m nhật 01 hòn đá (loại đá xanh) kích thước khoảng 10x10cm cầm tay phải chạy vào trong nhà. Thấy anh T đang ngồi ở trên giường mặt quay về hướng bàn ghế ngồi uống nước, quay lưng về phía cửa ra vào, hai tay để trên đầu gối, T tiến sát đến cách vị trí anh T ngồi khoảng 50 đến 60cm, T cầm đá bằng tay phải đập mạnh liên tiếp 03 phút theo hướng chệch chéo từ trên xuống dưới trúng vào vùng đầu phía bên phải làm anh T ngã nghiêng xuống giường. Thấy anh T nằm im không nói và không cử động, T cầm ba lô quần áo của mình và cầm hòn đá vừa dùng đánh anh T đi ra ngoài ném vào bãi đá lúc trước nhật, sau đó T đi khỏi nhà ông Bình và đi ô tô khách đến thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Trên đường đi, T gọi điện thoại cho anh Nguyễn Đức B nói với anh B “*Hôm qua tao đánh cái thằng ngủ cùng, tao lấy đá đập nó mấy cái, mày vào xem nó bị thế nào không*”; sau đó T gọi điện thoại cho anh Đinh Văn G, trú tại thôn H, xã T (là người quen biết từ trước) nói việc T dùng đá đánh vào đầu anh T và bảo anh G đến xem anh T có bị sao không.

Sáng ngày 15/12/2018, anh Nguyễn Quảng T được mọi người đưa cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa huyện S, sau đó chuyển đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang, Bệnh viện Hữu nghị Việt - Đức, thành phố Hà Nội để cứu chữa nhưng vết thương quá nặng anh T đã chết ngày 22/12/2018. Biết tin anh T chết, ngày 24/12/2018 Lưu Văn T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S đầu thú.

Bản Kết luận giám định pháp y về tử thi số 21/TT 19 ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận nguyên nhân chết của anh Nguyễn Quảng T: Chảy máu, tụ máu, dập não, hoại tử não do chấn thương.

Văn bản số 291/CV-PC09 ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận thương tích vùng thái dương chằm phải, thương tích sau tai phải do vật tày, cứng chắc, bề mặt kém nhẵn gây ra.

Quá trình khám nghiệm hiện T thu giữ 01 màn tuyền có bầm dính chất màu nâu đỏ; ông Nguyễn Đức Bình giao nộp Cơ quan điều tra 01 áo sơ mi dài tay, kẻ sọc màu xanh-trắng, size 40, trên áo có chất màu nâu và nâu đỏ.

Kết luận giám định số 196/C09(TT3) ngày 18 tháng 02 năm 2019 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận: Trên chiếc màn và chiếc áo gửi giám định đều có bầm dính máu của Nguyễn Quảng T.

Bản Cáo trạng số 21/CT-VKS-P1 ngày 24 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Lưu Văn T về tội “Giết

người”theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Lưu Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với quá trình điều tra và bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện bị hại ông Nguyễn Văn Hoàng T trình bày: Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm bồi thường dân sự bị cáo phải bồi thường thiệt hại tổng số tiền là 227.902.623 đồng (*Hai trăm hai mươi bảy triệu chín trăm linh hai nghìn sáu trăm hai mươi ba đồng*) bao gồm các khoản:

- Tiền viện phí, thuê xe đi bệnh viện, chi phí khi đưa bị hại đi viện: 20.902.623 đồng.
- Tiền mai táng phí: 57.000.000đồng;
- Tiền tổn thất về tinh thần:50.000.000đồng;
- Tiền cấp dưỡng cho 02 con của bị hại đến khi đủ 18 tuổi: 100.000.000 đồng. Phương thức cấp dưỡng một lần.

Trong quá trình điều tra, bị cáo đã tác động đến gia đình và gia đình bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 30.000.000đ. Tại phiên tòa, đại diện bị hại yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm tiếp tục bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 197.902.623 đồng, ngoài ra không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản tiền nào khác.

Bị cáo T nhất trí bồi thường thiệt hại tổng số tiền là 227.902.623 đồng như đề nghị của gia đình bị hại.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị M trình bày: Nhất trí với ý kiến của ông T đề nghị về mức hình phạt và mức bồi thường thiệt hại, bà đề nghị các khoản tiền bồi thường thiệt hại và khoản tiền cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Văn Hoàng P và cháu Nguyễn Dương T bà là người nhận khoản tiền này vì thực tế bà đang trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu. Khi anh T ly hôn chị Lương Thị T mẹ cháu P thì Tòa án giao cháu P cho anh T nuôi dưỡng, hiện chị T đã lấy chồng khác. Chị Dương Thị P mẹ cháu T đã ly thân với anh T và bận đi làm ăn xa không thường xuyên ở nhà nuôi dưỡng cháu T.

Chị Dương Thị P trình bày: Nhất trí với ý kiến của ông T, bà M đề nghị về mức hình phạt và mức bồi thường thiệt hại, chị P nhất trí khoản tiền cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Dương T là con chung của chị và bị hại anh T đề nghị Hội đồng xét xử tuyên người nhận khoản tiền này là bà M vì thực tế cháu T đang được bà M nuôi dưỡng, chị P đã ly thân với anh T và chuyển về nhà mẹ để sinh sống. Chị nhất trí các khoản tiền bồi thường thiệt hại do bà M đứng tên nhận số tiền bồi thường.

Bà Trần Thị L trình bày: Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo đã tác động đến gia đình để bà bồi thường cho gia đình bị hại thay cho bị cáo số tiền 30.000.000đ, bà không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại.

Kiểm sát viên trình bày luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lưu Văn T như nội dung Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ: điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Lưu Văn T phạm tội Giết người; xử phạt bị cáo Lưu Văn T từ 19 năm đến 20 năm tù. Tổng hợp với hình phạt 05 năm 06 tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 41/2019/HS-ST

ngày 19/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Buộc bị cáo Lưu Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 25/12/2018.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Tại phiên tòa bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại đã tự nguyện thỏa thuận về bồi thường thiệt hại, bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 227.902.623 đồng, bao gồm các khoản tiền viện phí, thuê xe đi bệnh viện, chi phí khi đưa bị hại đi viện là 20.902.623 đồng. Tiền mai táng phí là 57.000.000 đồng; Tiền tổn thất về tinh thần là 50.000.000 đồng; Tiền cấp dưỡng nuôi 02 con của bị hại đến khi đủ 18 tuổi là 100.000.000 đồng. Phương thức cấp dưỡng một lần. Trừ đi số tiền gia đình bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền là 30.000.000 đồng; bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 197.902.623 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho người đại diện hợp pháp của bị hại 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, mặt trước màu trắng, mặt sau màu hồng, máy đã qua sử dụng (điện thoại có sim của bị hại Nguyễn Quảng T), người nhận là đại diện hợp pháp của bị hại ông Nguyễn Văn Hoàng T.

Tịch thu tiêu hủy:

- 15 (Mười lăm) sợi tóc của Lưu Văn T.
- 01 (Một) mẫu máu thu trên tử thi Nguyễn Quảng T;
- 01 (Một) áo sơ mi dài tay, kẻ sọc màu xanh – trắng, size 40, áo đã qua sử dụng;
- 01 (Một) chăn nhung, màu đỏ - xanh – vàng, đã qua sử dụng;
- 01 (Một) vỏ gối, màu đỏ - xanh – vàng – trắng, đã qua sử dụng.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định về án phí, tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Lưu Văn T trình bày luận cứ: Nhất trí với nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang và nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xử bị cáo T mức hình phạt khởi điểm trong mức án đề nghị của đại diện Viện kiểm sát để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Bị cáo nhất trí với quan điểm bào chữa của Luật sư, không bổ sung thêm ý kiến gì khác, không tranh luận với bản luận tội đại diện Viện kiểm sát.

Người đại diện hợp pháp của bị hại không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo Lưu Văn T nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Lưu Văn T tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo, căn cứ vào lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, lời khai của những người làm chứng; căn cứ vào biên bản khám nghiệm hiện T và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:Khoảng 04 giờ 30 phút ngày 15/12/2018, tại thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, do mâu thuẫn, Lưu Văn T có hành vi dùng hòn đá có kích thước khoảng 10 x 10cm đập mạnh 03 phát liên tiếp vào vùng thái dương chằm phải và xung quanh tai phải anh Nguyễn Quảng T, sinh năm 1977, trú tại Tổ dân phố T, thị trấn S, hậu quả anh T chết do chảy máu, tụ máu, dập não, hoại tử não.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Lưu Văn T là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm trực tiếp đến tính mạng của bị hại. Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực nhận thức hành vi của mình nhưng đã coi thường pháp luật. Bị cáo phạm tội do lỗi cố ý, vì mâu thuẫn nhỏ mà bị cáo đã dùng 01 hòn đá (loại đá xanh) kích thước khoảng 10x10cmdập mạnh 03 phát liên tiếp vào vùng thái dương chằm phải và xung quanh tai phải anh T làm anh T chết.Hành vi phạm tội của bị cáo đã vi phạm điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự. Như vậy, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố đối với bị cáo Lưu Văn T là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự hung hãn, côn đồ, tác động xấu đến trật tự xã hội tại địa phương. Bị cáo có nhân thân xấu, có tiền án tạiBản án số 13/2016/HSST ngày 30/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Lưu Văn T 03 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (Chấp hành xong án phạt tù ngày 17/03/2018) nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà tiếp tục phạm tội nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.Do vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa mới đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đầu thú; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho gia đình bị hại 30.000.000 đồnglà các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần được áp dụng cho bị cáo để quyết định mức hình phạt cho phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Về mức án mà Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp nên chấp nhận xử bị cáo trong mức đề nghị là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về luận cứ bào chữa của Luật sư, trên cơ sở nội dung tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo Lưu Văn T là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm trực tiếp đến tính mạng của người khác. Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực nhận thức hành vi của mình nhưng đã coi thường pháp luật. Bị cáo phạm tội do lỗi cố ý, vì mâu thuẫn rất nhỏ mà bị cáo đã phạm tội nên phải xử bị cáo một mức án cao nhất trong mức án đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung, đồng thời, đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do vậy, không chấp nhận đề nghị của Luật sư xử bị cáo mức hình phạt thấp nhất trong mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

[7] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Tại phiên tòa bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại đã tự nguyện thỏa thuận về bồi thường thiệt hại, bị cáo bồi thường cho gia đình bị hại tổng số tiền 227.902.623 đồng (*Hai trăm hai mươi bảy triệu chín trăm linh hai nghìn sáu trăm hai mươi ba đồng*), bao gồm các khoản tiền viện phí, thuê xe đi bệnh viện, chi phí khi đưa bị hại đi viện là 20.902.623 đồng; Tiền mai táng phí là 57.000.000 đồng; Tiền tổn thất về tinh thần là 50.000.000 đồng; Tiền cấp dưỡng nuôi 02 con của bị hại đến khi đủ 18 tuổi là 100.000.000 đồng. Phương thức cấp dưỡng một lần. Trừ đi số tiền gia đình bị cáo đã bồi thường trước cho gia đình bị hại số tiền là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*); bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 197.902.623 đồng (*Một trăm chín bảy triệu chín trăm linh hai nghìn sáu trăm hai mươi ba đồng*). Tại phiên tòa chị P, bà M thống nhất các khoản tiền bồi thường và khoản tiền cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Dương T người đứng tên nhận các khoản tiền này là bà Nguyễn Thị M. Việc tự nguyện thỏa thuận về bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại, sự thống nhất giữa chị P và bà M là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại, sự thống nhất giữa chị P và bà M. Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi cháu P tại Quyết định thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Quảng T và chị chị Lương Thị T, Tòa án giao cho anh T nuôi dưỡng cháu P, bà M đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, chị T mẹ cháu P đã lấy chồng khác, nên người đại diện nhận các khoản tiền bồi thường thiệt hại và khoản tiền cấp dưỡng nuôi hai cháu là bà Nguyễn Thị M.

[8] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ:

- 15 (mười lăm) sợi tóc của Lưu Văn T.
- 01 (Một) mẫu máu thu trên tử thi Nguyễn Quảng T;
- 01 (Một) áo sơ mi dài tay, kẻ sọc màu xanh - trắng, size 40, áo đã qua sử dụng;
- 01 (Một) chăn nhung, màu đỏ - xanh - vàng, đã qua sử dụng;
- 01 (Một) vỏ gối, màu đỏ - xanh - vàng - trắng, đã qua sử dụng.

Xét những đồ vật trên không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Trả lại cho bị hại 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, mặt trước màu trắng, mặt sau màu hồng, máy đã qua sử dụng (điện thoại có sim của bị hại Nguyễn Quảng T) do ông Nguyễn Đức B giao nộp. Người nhận lại chiếc điện thoại là người đại diện hợp pháp của bị hại ông Nguyễn Văn Hoàng T.

[9] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Về án phí: Bị cáo Lưu Văn T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con và 4.895.131 đồng làm tròn số là 4.895.000 đồng (*Bốn triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự có giá ngạch của số tiền phải bồi thường là 97.902.623 đồng.

[11] Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Lưu Văn T phạm tội “Giết người”.

Xử phạt: Bị cáo Lưu Văn T 20 (Hai mươi) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại bản án hình sự sơ thẩm số 41/2019/HS-ST ngày 19/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Buộc bị cáo Lưu Văn T phải chấp hành hình phạt chung là 25 (Hai mươi lăm) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 25/12/2018.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ Điều 584, 585, 586, 591, 593, 468, 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Ghi nhận gia đình bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền là 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*).

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại đã tự nguyện thỏa thuận về bồi thường thiệt hại, bị cáo phải bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 227.902.623 đồng (*Hai trăm hai mươi bảy triệu chín trăm linh hai nghìn sáu trăm hai mươi ba đồng*), bao gồm các khoản tiền viện phí, thuê xe đi bệnh viện, chi phí khi đưa bị hại đi viện là 20.902.623 đồng; Tiền mai táng phí là 57.000.000đồng; Tiền tổn thất về tinh thần là 50.000.000đồng; Tiền cấp dưỡng nuôi 02 con của bị hại đến khi đủ 18 tuổi là 100.000.000 đồng. Phương thức cấp dưỡng một lần. Trừ đi số tiền gia đình bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*); bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 197.902.623 đồng (*Một trăm chín bảy triệu chín trăm linh hai nghìn sáu trăm hai mươi ba đồng*). Người đại diện nhận số tiền này là bà Nguyễn

Thị M, sinh năm 1954. Nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Khoản tiền bồi thường dân sự, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chậm nộp thì hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ Trả lại cho người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Văn Hoàng T. Sinh năm 1972. Nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, mặt trước màu trắng, mặt sau màu hồng, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng, chất lượng của máy, hiện máy không hoạt động được.

+ Tịch thu tiêu hủy:

- 15 (mười lăm) sợi tóc của Lưu Văn T.
- 01 (Một) mẫu máu thu trên tử thi Nguyễn Quảng T;
- 01 (Một) áo sơ mi dài tay, kẻ sọc màu xanh - trắng, size 40, áo đã qua sử dụng;
- 01 (Một) chiếc màn tuyền màu trắng, trên màn có bám dính chất màu nâu đỏ, màn đã qua sử dụng;
- 01 (Một) chăn nhung, màu đỏ - xanh - vàng, đã qua sử dụng;
- 01 (Một) vỏ gối, màu đỏ - xanh - vàng - trắng, đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang lập ngày 25/7/2019).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lưu Văn T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con và 4.895.000 đồng (*Bốn triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự có giá ngạch. Tổng cộng 5.395.000 đồng (*Năm triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 30/9/2019. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

“T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Cục THADS tỉnh T. Quang;
- Công an tỉnh T.Quang (CQCSĐT + Phòng hồ sơ);
- Trại tạm giam Công tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh T.Quang;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Văn phòng Tòa án tỉnh;
- Lưu HS + Toà án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Hương